

Số: 258/2022/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 122/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Báo cáo số 364/BC-DT ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Quy định tại Nghị quyết này và các quy định của pháp luật có liên quan, tổ chức triển khai thực hiện, định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Lao động, TB-XH, Nông nghiệp và PTNT, Y tế, GD&ĐT, VH, TT&DL, KH&ĐT, Tài chính, Thông tin và Truyền thông;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Ủy ban Dân tộc;
- TTr Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các ban, sở, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đỗ Trọng Hưng

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 258/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là *Chương trình*).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện *Chương trình*.
2. Cơ quan, tổ chức tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước của *Chương trình*.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước; các văn bản pháp luật có liên quan và theo Quy định này.
2. Bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của *Chương trình* giai đoạn 2021 - 2025 nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn đầu tư, vốn sự nghiệp và không thay đổi cơ cấu nguồn vốn của *Chương trình* đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
3. Ưu tiên bố trí vốn thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng, phù hợp với các mục tiêu phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt giai đoạn trước nhưng chưa đủ nguồn lực thực hiện đã được tích hợp tại nội dung của *Chương trình*; tập trung đầu tư, hỗ trợ các xã, thôn khó khăn nhất, giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn; ưu tiên cho các địa bàn còn thiếu hụt cơ sở hạ tầng thiết yếu; phân bổ vốn đầu tư *Chương trình* tập trung, không phân tán, không dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

4. Ưu tiên bố trí ngân sách Trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương để giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết; đầu tư, nâng cấp công trình đường giao thông đến trung tâm xã, liên xã chưa được cứng hóa hoặc xuống cấp; các trạm y tế xã chưa đạt chuẩn; công trình giao thông kết nối liên vùng, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh cho khu vực miền núi.

5. Đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình; tăng cường phân cấp cho cơ sở để tạo sự chủ động, linh hoạt cho các địa phương, các cấp, các ngành trong triển khai, thực hiện Chương trình trên cơ sở nội dung, định hướng, lĩnh vực cần ưu tiên, phù hợp với đặc thù, điều kiện, tiềm năng lợi thế từng địa phương, từng vùng theo quy định của pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch, dễ thực hiện.

6. Phân bổ kế hoạch vốn hàng năm cho các sở, ban, ngành và các huyện thực hiện Chương trình theo kết quả giải ngân của năm trước năm kế hoạch; ưu tiên phân bổ cho các sở, ban, ngành, các huyện, các dự án, tiểu dự án, nội dung của Chương trình bảo đảm tiến độ giải ngân.

7. Ngân sách tỉnh đảm bảo bố trí đủ vốn đối ứng tối thiểu bằng 10% tổng vốn ngân sách Trung ương cho Chương trình, được quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

8. Phân bổ vốn của Chương trình bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

9. Đối với các dự án, tiểu dự án thành phần đã quy định nội dung, định mức, kinh phí, cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện cụ thể và cơ quan chủ trì, thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Trung ương, thì không áp dụng theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ theo Quy định này. Cơ quan chủ trì dự án, tiểu dự án căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 281/KH-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, căn cứ hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và nhu cầu thực tế cần hỗ trợ của các huyện xây dựng nội dung hoạt động trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định. Trường hợp các Bộ, ngành Trung ương có thẩm quyền không quy định nội dung, định mức, kinh phí, cơ chế thực hiện cụ thể thì việc phân bổ vốn thực hiện theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức quy định tại Điều 5 của Quy định này.

10. Việc phân bổ vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phải được lồng ghép với nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia khác, các chương trình, dự án khác để thực hiện các công trình, dự án có cùng mục tiêu, nội dung đầu tư trên cùng một địa bàn cấp xã, cấp huyện, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, không chồng chéo, trùng lặp, tránh dàn trải, lãng phí trong sử dụng vốn.

Điều 4. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách Trung ương trung hạn và hằng năm

1. Tổng nguồn vốn ngân sách Trung ương trung hạn và hằng năm để thực hiện Chương trình phân bổ cho các sở, ban, ngành và các huyện theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn về nội dung này.

2. Nguồn vốn phân bổ kế hoạch hằng năm của Chương trình phải phù hợp với kế hoạch trung hạn được cấp có thẩm quyền thông qua và khả năng cân đối ngân sách hằng năm; ưu tiên bố trí vốn để hoàn thành các chương trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm trước sang năm sau; ưu tiên các sở, ban, ngành, các huyện giải ngân nhanh để tạo điều kiện sớm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

Điều 5. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương

Tiêu chí, định mức và phương pháp tính toán, xác định nguồn vốn ngân sách Trung ương (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) phân bổ cho các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và các huyện được quy định chi tiết theo 10 Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

Vốn phân bổ của dự án, tiểu dự án, nội dung cho các địa phương được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Vốn phân bổ} \\ \text{cho dự án, tiểu} \\ \text{dự án, nội dung} \\ \text{thứ } i \text{ của địa} \\ \text{phương A} \end{array} = \frac{\text{Tổng vốn phân bổ cho dự án, tiểu dự} \\ \text{án, nội dung thứ } i - \text{vốn phân bổ cho} \\ \text{các sở, ban, ngành của dự án, tiểu} \\ \text{dự án, nội dung thứ } i}{\text{Tổng số điểm theo tiêu chí của dự án,} \\ \text{tiểu dự án, nội dung thứ } i \text{ của tất cả} \\ \text{các địa phương}} \times \begin{array}{l} \text{Điểm số của dự} \\ \text{án, tiểu dự án, nội} \\ \text{dung thứ } i \text{ của địa} \\ \text{phương A} \end{array}$$

Điều 6. Quy định tỷ lệ đối ứng của ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình

Ngân sách tỉnh bố trí đối ứng tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình và thực hiện việc phân bổ vốn theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức tại Quy định này./.

Phụ lục số I
PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 1
GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT,
NƯỚC SINH HOẠT

(Ban hành kèm theo Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025)

1. Phân bổ vốn đầu tư

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không
- Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất ở	0,4	a	0,4 x a
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nhà ở	0,4	b	0,4 x b
3	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất sản xuất	0,225	c	0,225 x c
4	Cứ 1 công trình nước sinh hoạt tập trung	30	d	30 x d
	Tổng cộng điểm (1+2+3+4)	-	-	

Số lượng (a, b, c, d) căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các huyện đề xuất, được Ban Dân tộc tỉnh rà soát, tổng hợp.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không.
- Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề	0,1	a	0,1 x a
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	0,03	b	0,03 x b
	Tổng cộng điểm (1+2)	-	-	

Số lượng (a, b) căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các huyện đề xuất, được Ban Dân tộc tỉnh rà soát, tổng hợp./.

Phụ lục số II
PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 2
QUY HOẠCH, SẮP XẾP, BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ Ở NHỮNG
NƠI CẦN THIẾT

(Ban hành kèm theo Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025)

1. Phân bổ vốn đầu tư

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không

- Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn đầu tư đến 01 tỷ đồng được tính 10 điểm	10
2	Dự án có quy mô trên 01 tỷ đồng, cứ tăng thêm vốn đầu tư 100 triệu đồng được tính thêm	01
3	Mỗi dự án tại xã biên giới được tính thêm	5
	Tổng cộng điểm (1+2+3)	

Quy mô Dự án được xác định căn cứ nhu cầu thực tế của từng huyện đề xuất, được Ban Dân tộc tỉnh rà soát, tổng hợp.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không

- Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn sự nghiệp đến 10 triệu đồng được tính 0,1 điểm; phần còn lại cứ tăng thêm vốn sự nghiệp 10 triệu đồng được tính thêm	0,1
	Tổng cộng điểm	

Quy mô Dự án được xác định căn cứ nhu cầu thực tế của từng huyện đề xuất, được Ban Dân tộc tỉnh rà soát, tổng hợp./.

Phụ lục số III
PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 3
PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG, PHÁT HUY
TIỀM NĂNG, THỀ MẠNH CỦA CÁC VÙNG, MIỀN ĐỂ SẢN XUẤT
HÀNG HÓA THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

(Ban hành kèm theo Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025)

1. Tiêu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân.

1.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không

- Phân bổ vốn cho các huyện và các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng (ha)	Tổng số điểm
1	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với diện tích rừng do Nhà nước giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được Nhà nước giao cho các tổ chức kinh tế theo quy định hiện hành; diện tích rừng tự nhiên do UBND cấp xã trực tiếp quản lý.	0,004	a	0,004 x a
2	Mỗi ha rừng được hỗ trợ bảo vệ rừng, quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình.	0,004	b	0,004 x b
3	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung.	0,016	c	0,016 x c
4	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ.	0,1	d	0,1 x d
5	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng phòng hộ.	0,3	đ	0,3 x đ
6	Mỗi tấn gạo trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ.	0,12	e	0,12 x e
	Tổng cộng điểm (1+2+3+4+5+6)	-	-	

Số lượng (a, b, c, d, đ, e) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các huyện đề xuất, được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, tổng hợp.

2. Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2.1. Phân bổ vốn đầu tư:

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không
- Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi huyện thực hiện dự án trồng dược liệu quý	290	a	290 x a
2	Mỗi Trung tâm nhân giống, bảo tồn và phát triển dược liệu ứng dụng công nghệ cao	300	b	300 x b
	Tổng cộng điểm (1+2)	-	-	

Số lượng (a, b) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các huyện đề xuất theo hướng dẫn khảo sát của Bộ Y tế, được Bộ Y tế phê duyệt.

2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành: Không quá 09% tổng số vốn sự nghiệp của tiêu dự án để xây dựng mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Ban Dân tộc tỉnh không quá 3,8%; Sở Công Thương không quá 0,7%; Sở Y tế không quá 03%; các cơ quan: Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Tỉnh Đoàn, Hội Nông dân tỉnh, mỗi cơ quan không quá 0,5%).

- Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

* Phân bổ vốn hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý: Không quá 10% tổng vốn sự nghiệp của tiêu dự án.

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi huyện thực hiện dự án trồng dược liệu quý	310	a	310 x a
2	Mỗi Trung tâm nhân giống, bảo tồn và phát triển dược liệu ứng dụng công nghệ cao	270	b	270 x b
	Tổng cộng điểm (1+2)	-	-	

Số lượng (a, b) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các huyện đề xuất theo hướng dẫn khảo sát của Bộ Y tế, được Bộ Y tế phê duyệt.

* Phân bổ vốn phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	28	a	28 x a
2	Xã ĐBKK đồng thời là xã ATK hoặc xã biên giới đất liền	2	b	2 x b
3	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã)	5	c	5 x c
4	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,15	d	0,15 x d
	Tổng cộng điểm (1+2+3+4)	-	-	

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK, xã biên giới được xác định theo quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ./.

Phụ lục số IV**PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN 1, DỰ ÁN 4 ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

(Ban hành kèm theo Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025)

1. Phân bổ vốn đầu tư

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không

- Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	100	a	100 x a
2	Xã ATK thuộc khu vực II, I (xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn NTM, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135)	90	b	90 x b
3	Xã ĐBKK đồng thời là xã ATK hoặc xã biên giới đất liền	10	c	10 x c
4	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)	15	d	15 x d
5	Cứ 1 km cứng hoá đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa	16	e	16 x e
6	Cứ xây mới 1 trạm y tế xã	40	f	40 x f
7	Cứ cải tạo sửa chữa 1 trạm y tế xã	8	g	8 x g
8	Cứ xây mới 1 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	44	h	44 x h
9	Cứ cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 1 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	8	i	8 x i
10	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,3	k	0,3 x k
	Tổng cộng điểm (1+2+3+4+5+6+7+8+9+10)	-	-	

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK, xã biên giới được xác định theo quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và các quyết định sửa đổi,

bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Số km cứng hóa đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa; xây mới, cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã; xây mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi căn cứ nhu cầu thực tế của các huyện đề xuất, được các sở, ban, ngành có liên quan rà soát, tổng hợp.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không

- Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	9	a	9 x a
2	Xã ATK thuộc khu vực II, I (xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn NTM, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135)	8	b	8 x b
3	Xã ĐBKK đồng thời là xã ATK hoặc xã biên giới đất liền	1	c	1 x c
4	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)	1,8	d	1,8 x d
5	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi trạm y tế xây dựng mới và cải tạo	2,5	e	2,5 x e
6	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,03	f	0,03 x f
	Tổng cộng điểm (1+2+3+4+5+6)	-	-	

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK, xã biên giới được xác định theo quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Hỗ trợ trang thiết bị cho trạm y tế xây mới và cải tạo căn cứ nhu cầu thực tế cần hỗ trợ của các huyện đề xuất, được Sở Y tế rà soát, tổng hợp./.

Phụ lục số V
PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 5
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG
NGUỒN NHÂN LỰC

(Ban hành kèm theo Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025)

1. Tiêu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDNTN), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh ở bán trú (HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

1.1. Phân bổ vốn đầu tư:

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không
- Phân bổ vốn cho các huyện và Trường THPT Dân tộc Nội trú tỉnh: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ đầu tư bổ sung, nâng cấp 01 phòng công vụ giáo viên	1,446	a	1,446 x a
2	Cứ đầu tư bổ sung, nâng cấp 01 phòng ở cho học sinh bán trú	1,446	b	1,446 x b
3	Cứ đầu tư bổ sung, nâng cấp 01 phòng quản lý học sinh bán trú, nội trú	1,446	c	1,446 x c
4	Cứ đầu tư bổ sung, nâng cấp 01 nhà ăn hoặc 01 nhà bếp	5,784	d	5,784 x d
5	Cứ đầu tư bổ sung, nâng cấp 01 nhà kho chứa lương thực	4,5	đ	4,5 x đ
6	Cứ đầu tư bổ sung, nâng cấp 01 công trình vệ sinh hoặc nước sinh hoạt	4,5	e	4,5 x e
7	Cứ đầu tư bổ sung, nâng cấp 01 nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc	4,5	g	4,5 x g
8	Cứ đầu tư bổ sung, nâng cấp 01 phòng học thông thường và phòng học bộ môn	3,759	h	3,759 x h
9	Cứ đầu tư bổ sung, nâng cấp 01 công trình phụ trợ khác (sân chơi, bãi tập, vườn ươm cây...)	2	k	2 x k
10	Mỗi trường dân tộc nội trú cho huyện có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống nhưng chưa có hoặc phải đi thuê địa điểm để hoạt động, có địa điểm nhưng chưa đủ các hạng mục công trình, cơ sở vật chất (nhà hiệu bộ, nhà ở, nhà ăn)	450	l	450 x l
	Tổng cộng điểm (1+2+3+4+5+6+7+8+9+10)	-	-	

Số lượng (a, b, c, d, đ, e, g, h, k, l) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các huyện đề xuất, được Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát, tổng hợp.

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Phân bổ cho Sở Giáo dục và Đào tạo 100% tổng số vốn sự nghiệp của tiểu dự án.

Căn cứ vào các quy định hiện hành về nội dung này, nhu cầu thực tế cần hỗ trợ của các huyện xây dựng phương án phân bổ vốn trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

- Phân bổ vốn cho các huyện: Không

2. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không

2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc

+ Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không quá 35%, tổng số vốn sự nghiệp nội dung 1 của tiểu dự án (Ban Dân tộc tỉnh không quá 20%, Công an tỉnh không quá 5%, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh không quá 5%, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh không quá 5%).

+ Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số	0,204	a	0,204 x a
	Tổng cộng điểm	-	-	

Xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

- Nội dung 2: Đào tạo đại học, sau đại học

Cơ quan chủ trì tiểu dự án trên cơ sở rà soát, xác định, tổng hợp nhu cầu đào tạo đại học, sau đại học của học sinh, sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức đang sinh sống, học tập và công tác trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi xây dựng kế hoạch trung hạn và hằng năm trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

3. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

3.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không

3.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Phân bổ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không quá 2,5% tổng số vốn sự nghiệp của tiểu dự án.

- Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi học viên được đào tạo nghề	0,035	a	0,035 x a
	Tổng cộng điểm	-	-	

Số lượng học viên được đào tạo nghề (a) được sử dụng làm căn cứ phân bổ cho các huyện.

Số lượng học viên và nội dung chi cụ thể theo thực tế của các huyện đề xuất, được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát, tổng hợp.

4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.

4.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không

4.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Phân bổ cho Ban Dân tộc tỉnh không quá 20% tổng vốn sự nghiệp của tiểu dự án.

- Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III), xã ATK thuộc khu vực II, I (xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn NTM, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135)	15	a	15 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)	1,5	b	1,5 x b
	Tổng cộng điểm (1+2)	-	-	

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK, xã biên giới được xác định theo quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có)/.

Phụ lục số VI
PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 6
BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC
DÂN TỘC THIỂU SỐ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH

(Ban hành kèm theo Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025)

1. Phân bổ vốn đầu tư

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không

- Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cho mỗi một điểm đến du lịch tiêu biểu	7	a	7 x a
2	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn mỗi một làng, bản truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	60	b	60 x b
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2	c	2 x c
4	Hỗ trợ xây dựng mỗi một mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch	60	d	60 x d
5	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	60	e	60 x e
	Tổng cộng điểm (1+2+3+4+5)			

Số lượng (a, b, c, d, e) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các huyện đề xuất, được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát, tổng hợp.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Phân bổ cho Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch không quá 20% tổng vốn sự nghiệp của dự án.

- Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hoá di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số cho mỗi huyện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	10	a	10 x a
2	Tổ chức bảo tồn các loại hình văn hoá phi vật thể (mỗi lễ hội; mỗi mô hình văn hoá truyền thống; mỗi dự án nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn; mỗi làng văn hóa truyền thống; mỗi chương trình tuyên truyền, quảng bá văn hoá truyền thống, văn hoá các dân tộc thiểu số...)	3,5	b	3,5 x b
3	Hỗ trợ mỗi nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận	0,6	c	0,6 x c
4	Tổ chức mỗi lớp tập huấn, truyền dạy, câu lạc bộ (mỗi lớp tập huấn; mỗi câu lạc bộ sinh hoạt văn hoá dân gian...)	2	d	2 x d
5	Hỗ trợ hoạt động cho mỗi đội văn nghệ truyền thống	0,5	e	0,5 x e
6	Xây dựng nội dung, xuất bản mỗi ấn phẩm xuất bản sách, đĩa, đĩa phim tư liệu về văn hoá truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số	20	g	20 x g
7	Tổ chức ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số	10	h	10 x h
8	Tổ chức mỗi hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số	3	i	3 x i
9	Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0,3	k	0,3 x k
10	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi nhà văn hoá tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số	0,3	l	0,3 x l
11	Hỗ trợ chống xuống cấp cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	5	m	5 x m
	Tổng cộng điểm (1+2+3+4+5+6+7+8+9+10+11)	-	-	

Số lượng (a, b, c, d, e...) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các huyện đề xuất, được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát, tổng hợp./.

Phụ lục số VII
PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 7
CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN, NÂNG CAO THỂ TRẠNG,
TÀM VÓC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ; PHÒNG CHỐNG
SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM

(Ban hành kèm theo Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025)

1. Phân bổ vốn đầu tư

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không
- Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi trung tâm y tế huyện được đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo	300	a	300 x a
	Tổng cộng điểm	-	-	

Số lượng (a) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các huyện đề xuất, được Sở Y tế rà soát, tổng hợp.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Phân bổ cho Sở Y tế và các cơ sở y tế không quá 80% tổng số vốn sự nghiệp của dự án.

- Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	50	a	50 x a
2	Mỗi xã khu vực II	30	b	30 x b
3	Mỗi xã khu vực I	15	c	15 x c
	Tổng cộng điểm (1+2+3)	-	-	

Xã khu vực III, II, I được xác định theo Quyết định số 861/QĐ - TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có)./.

Phụ lục số VIII

PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 8 THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP THIẾT ĐỐI VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM

(Ban hành kèm theo Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025)

1. Phân bổ vốn đầu tư: Không

2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Phân bổ cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh không quá 30% tổng số vốn sự nghiệp của dự án.

- Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III), xã ATK thuộc khu vực II, I (xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn NTM, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135)	10	a	10 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)	2	b	2 x b
3	Mỗi xã ĐBKK là xã biên giới được tính thêm	1	c	1 x c
	Tổng cộng điểm (1+2+3)	-	-	

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK được xác định theo quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có)./.

Phụ lục số IX
PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 9
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÓM DÂN TỘC THIỂU SỐ RẤT ÍT NGƯỜI
VÀ NHÓM DÂN TỘC CÒN NHIỀU KHÓ KHĂN

(Ban hành kèm theo Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025)

1. Tiểu Dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù

1.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không

- Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi hộ dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn thuộc địa bàn đầu tư	0,15	a	0,15 x a
	Tổng cộng điểm	-	-	

Số lượng hộ dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn thuộc địa bàn đầu tư (a) căn cứ Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025 và số liệu rà soát của các huyện được Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp.

2. Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

2.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không

2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không quá 30% tổng số vốn sự nghiệp của tiểu dự án (Ban Dân tộc tỉnh không quá 27%, Sở Y tế không quá 3%).

- Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi tỷ lệ tảo hôn + Tỷ lệ hôn nhân cận huyết	5	a	5 x a

2	Mỗi xã khu vực I	1	b	1 x b
3	Mỗi xã khu vực II	1,5	c	1,5 x c
4	Mỗi xã khu vực III	3	d	3 x d
5	Mỗi mô hình được thực hiện	2	đ	2 x đ
	Tổng cộng điểm (1+2+3+4+5)	-	-	

Tỷ lệ tảo hôn, tỷ lệ hôn nhân cận huyết (a) của các huyện căn cứ vào số liệu các huyện rà soát, được Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp.

Xã khu vực I, II, III (b, c, d) được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Số mô hình thực hiện (đ) là 20% của tổng số xã khu vực III, II của huyện được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có)/.

Phụ lục số X
PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 10
TRUYỀN THÔNG, TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI; KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VIỆC
TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

(Ban hành kèm theo Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025)

1. Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030.

1.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Phân bổ không quá 67% tổng số vốn sự nghiệp của tiểu dự án (Ban Dân tộc tỉnh không quá 61%, Công an tỉnh không quá 02%, Sở Tư pháp không quá 01%, Sở Thông tin và Truyền thông không quá 03%).

- Phân bổ vốn cho các huyện: Cơ quan chủ trì tiểu dự án căn cứ vào các quy định hiện hành về nội dung này, nhu cầu thực tế của các huyện, tổng hợp, xây dựng phương án phân bổ vốn trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

2. Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2.1. Phân bổ vốn đầu tư:

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không quá 25% tổng vốn đầu tư của tiểu dự án (Ban Dân tộc tỉnh không quá 24,5%, Liên minh hợp tác xã tỉnh không quá 0,5%).

- Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	30 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã)	0,5	b	0,5 x b
	Tổng cộng điểm (1+2)	-	-	

Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không quá 67% tổng vốn sự nghiệp của tiểu dự án (Ban Dân tộc tỉnh không quá 50%, Liên minh hợp tác xã tỉnh không quá 15%, Sở Thông tin và Truyền thông không quá 02%).

- Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	30 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã)	0,5	b	0,5 x b
	Tổng cộng điểm (1+2)	-	-	

Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

3.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không

3.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không quá 55% tổng vốn sự nghiệp của tiểu dự án (Ban Dân tộc tỉnh không quá 25,5%, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không quá 2,5%, Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 01%, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không quá 01%, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch không quá 01%, Sở Y tế không quá 01%, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh không quá 01%, Tỉnh đoàn không quá 01%, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh không quá 10%, Sở Kế hoạch và Đầu tư không quá 01%, Sở Tài chính không quá 01%, Sở Công Thương không quá 01%, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Thanh Hóa không quá 01%, Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Thanh Hóa không quá 01%, Sở Nội vụ không quá 01%, Công an tỉnh không quá 01%, Sở Tư pháp không quá 01%, Sở Thông tin và Truyền thông không quá 01%, Liên minh Hợp tác xã tỉnh không quá 01%, Hội Nông dân tỉnh không quá 01%).

- Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí cụ thể như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực II	2	b	2 x b
3	Mỗi xã khu vực I	1	c	1 x c
	Tổng cộng (1+2+3)	-	-	

Xã khu vực I, II, III (a, b, c) được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có)./.